BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /2024/TT-BYT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2024*

syt_thuathienhue_vt_Sở Y tế Thua Thien Hue_21/05/2024 09:34:10

THÔNG TƯ
Quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về:

a) Xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế, bao gồm: phân hạng, tiêu chuẩn xếp hạng, thẩm quyền và hồ sơ xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập;

b) Mức phụ cấp lãnh đạo của các đơn vị sự nghiệp y tế.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế sau đây:

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Cơ sở y tế dự phòng;

c) Cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định;

d) Trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Thông tư này không áp dụng đối với:

a) Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế sau: Viện Pháp y Quốc gia, Trung tâm Điều phối Quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe Trung ương, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Ban Quản lý Dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế; các cơ sở pháp y tâm thần;

b) Trung tâm pháp y;

c) Trung tâm giám định y khoa.

4. Các cơ sở y tế thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các cơ sở y tế tư nhân có thể áp dụng các tiêu chuẩn xếp hạng theo quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để xếp hạng.

Điều 2. Phân hạng các đơn vị sự nghiệp y tế

1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xếp theo 04 hạng: hạng đặc biệt, hạng I, hạng II, hạng III.

2. Các cơ sở y tế dự phòng; các cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định và trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương xếp theo 04 hạng: hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV.

Điều 3. Tiêu chuẩn xếp hạng

1. Các nhóm tiêu chuẩn xếp hạng:

a) Nhóm tiêu chuẩn I về vị trí, chức năng, nhiệm vụ: 10 điểm;

b) Nhóm tiêu chuẩn II về quy mô và nội dung hoạt động: 15 điểm;

c) Nhóm tiêu chuẩn III về nhân lực: 20 điểm;

d) Nhóm tiêu chuẩn IV về khả năng chuyên môn: 40 điểm;

đ) Nhóm tiêu chuẩn V về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị: 15 điểm.

2. Tiêu chuẩn cụ thể và mức điểm quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư:

a) Phụ lục 1: Tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Phụ lục 2: Tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở y tế dự phòng;

c) Phụ lục 3: Tiêu chuẩn xếp hạng trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Phụ lục 4: Tiêu chuẩn xếp hạng viện; trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Phụ lục 5: Tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hạng đặc biệt.

3. Điểm số và xếp hạng tổ chức:

a) Hạng đặc biệt: là cơ sở hạng I đạt 100 điểm và đạt các tiêu chuẩn của hạng đặc biệt;

b) Hạng I: từ 90 đến 100 điểm;

c) Hạng II: từ 70 đến dưới 90 điểm;

d) Hạng III: từ 50 đến dưới 70 điểm;

đ) Hạng IV: dưới 50 điểm.

4. Phương pháp tính điểm:

a) Tính điểm theo từng tiêu chuẩn cụ thể trong bảng điểm ban hành kèm theo Thông tư, không vận dụng điểm trung gian, không tính điểm khi các số liệu chưa hoàn chỉnh;

b) Việc xem xét hồ sơ đề nghị xếp hạng căn cứ các tài liệu, số liệu thống kê minh chứng các tiêu chuẩn và kiểm tra thực tế tại đơn vị (lấy số liệu của 02 năm

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue_21/12/2024 08:34:00

trước liền kề năm đề nghị xếp hạng và các tài liệu kế hoạch thực hiện của năm đề nghị xếp hạng, trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh thì việc cung cấp số liệu do cấp có thẩm quyền công nhận xếp hạng xem xét, quyết định; minh chứng tiêu chí đề tài nghiên cứu khoa học lấy số liệu trong thời gian giữ hạng đơn vị).

5. Đối với đơn vị có nhiều cơ sở, việc xếp hạng các cơ sở do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Trường hợp, hồ sơ, thẩm quyền xếp hạng

1. Trường hợp xếp hạng:

a) Xếp hạng lần đầu áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp y tế mới thành lập;

b) Xếp hạng lại áp dụng đối với trường hợp:

- Hết thời hạn giá trị của quyết định xếp hạng;

- Vẫn trong thời hạn giá trị của quyết định xếp hạng nhưng đơn vị có sự thay đổi các tiêu chuẩn xếp hạng (lên hạng hoặc xuống hạng).

2. Hồ sơ đề nghị xếp hạng (bao gồm cả trường hợp xếp hạng lại):

a) Văn bản đề nghị xếp hạng của đơn vị;

b) Bảng chấm điểm các nhóm tiêu chuẩn theo quy định;

c) Các tài liệu, số liệu thống kê minh chứng điểm số đạt được;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thẩm quyền quyết định công nhận xếp hạng:

a) Đơn vị sự nghiệp y tế hạng đặc biệt:

Bộ Nội vụ quyết định công nhận xếp hạng đặc biệt các đơn vị sự nghiệp y tế trên cơ sở đề nghị của Bộ Y tế.

b) Đơn vị sự nghiệp y tế từ hạng I trở xuống:

Bộ, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền quản lý từ hạng I trở xuống và gửi báo cáo về Bộ Nội vụ, Bộ Y tế.

c) Các đơn vị sự nghiệp y tế khác chưa có hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức thì cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị xem xét, quyết định xếp hạng đơn vị theo thẩm quyền.

4. Quyết định xếp hạng có giá trị trong 05 năm (60 tháng) kể từ ngày quyết định xếp hạng có hiệu lực.

syt_thuathienhue_vt_So Y te Tua Thien Hue_20/05/2024 09:34:10

Điều 5. Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo

1. Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hạng các đơn vị sự nghiệp y tế:

TT	Chức danh lãnh đạo	Hạng đặc biệt	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
1	Giám đốc, viện trưởng	1,1	1,0	0,8	0,7	0,6
2	Phó giám đốc, phó viện trưởng	0,9	0,8	0,7	0,6	0,5
3	Viện trưởng, giám đốc trung tâm có tổ chức cấu thành thuộc bệnh viện hạng đặc biệt	0,9				
4	- Phó viện trưởng, phó giám đốc Trung tâm có tổ chức cấu thành thuộc bệnh viện hạng đặc biệt - Viện trưởng, giám đốc trung tâm không có tổ chức cấu thành thuộc bệnh viện hạng đặc biệt	0,8				
5	Phó viện trưởng, phó giám đốc trung tâm không có tổ chức cấu thành thuộc bệnh viện hạng đặc biệt	0,7				
6	Viện trưởng, giám đốc trung tâm có tổ chức cấu thành của đơn vị khác (trừ bệnh viện hạng đặc biệt)		0,7	0,6		
7	Phó Viện trưởng, phó giám đốc trung tâm không có tổ chức cấu thành của đơn vị khác (trừ bệnh viện hạng đặc biệt)		0,6	0,5		
8	Trưởng khoa, phòng và các chức vụ tương đương	0,7	0,6	0,5	0,4	0,3
9	- Phó trưởng khoa, phòng, điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật y trưởng và các chức vụ tương đương - Trưởng khoa, phòng và các chức vụ tương đương thuộc viện, trung tâm	0,6	0,5	0,4	0,3	0,2
10	Phó trưởng khoa, phòng, điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật y trưởng và các chức vụ tương đương thuộc viện, trung tâm	0,4	0,3			
11	Trưởng trạm y tế xã, phường, thị trấn	0,3				
12	Phó trưởng trạm y tế xã, phường, thị trấn	0,2				

syt_thuathienhue_vi_Yte_ubnd@thanhhoa_21/05/2021 09:31:10

2. Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp y tế không xếp hạng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 83/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Các đơn vị đã được xếp hạng theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25 tháng 8 năm 2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế và quyết định xếp hạng vẫn có giá trị hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi hết thời hạn giá trị của quyết định xếp hạng đó (05 năm kể từ ngày tháng năm ghi trên quyết định xếp hạng).

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Các thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

a) Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25 tháng 8 năm 2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;

b) Thông tư số 07/2006/TT-BYT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các đơn vị sự nghiệp y tế không thực hiện việc xếp hạng;

c) Thông tư số 03/2007/TT-BYT ngày 08 tháng 02 năm 2007 của Bộ Y tế sửa đổi khoản 3 mục IV Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25 tháng 8 năm 2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xếp hạng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc thẩm quyền, lĩnh vực quản lý;

b) Thành lập hoặc phân công, phân cấp, ủy quyền cho cơ quan đầu mối thực hiện việc thành lập Hội đồng để thực hiện chấm điểm theo các tiêu chí xếp hạng quy định tại Thông tư này. Hội đồng có tối thiểu 09 thành viên; các thành viên Hội đồng phải có năng lực, trình độ phù hợp với nội dung chấm điểm các tiêu chí xếp hạng.

2. Người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai Thông tư này và phải lập hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xếp hạng đơn vị chậm nhất 90 ngày trước khi quyết định xếp hạng hết giá trị.

syt_thuathienhue_vt_...

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế (Vụ Tổ chức cán bộ) để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ KGVX, Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Y tế;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các bộ, ngành;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, TCCB, PC.

BỘ TRƯỞNG

Đào Hồng Lan

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue_21/02/2024 09:34:0

PHỤ LỤC 1
TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm Thông tư số 06 /2024/TT-BYT ngày 16 / 5 /2024 của Bộ Y tế)

syt_thuathienhue_vt: Sở Y tế Thừa Thiên Huế_16/05/2024 08:34:10

I	**Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ**	**10 điểm**
1	**Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật**	**4 điểm**
1.1	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	4 điểm
1.2	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	3 điểm
1.3	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương	2 điểm
2	**Đào tạo**	**3 điểm**
2.1	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục	1 điểm
3	**Nghiên cứu khoa học**	**3 điểm**
3.1	Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên.	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên.	1 điểm
II	**Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động**	**15 điểm**
1	**Điểm đánh giá chất lượng bệnh viện trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị**	**6 điểm**
1.1	Đạt từ 4,0 điểm trở lên	6 điểm
1.2	Đạt từ 3,2 điểm đến dưới 4,0	5 điểm
1.3	Đạt từ 2,5 đến dưới 3,2 điểm	3 điểm
1.4	Dưới 2,5 điểm	2 điểm
2	**Số giường được cấp có thẩm quyền giao**	**4 điểm**
2.1	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
a)	Từ 1000 giường trở lên	4 điểm
b)	Từ 500 giường đến dưới 1000 giường	3 điểm
c)	Từ 300 giường đến dưới 500 giường	2 điểm
d)	Dưới 300 giường	1 điểm
2.2	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	
a)	Từ 400 giường trở lên	4 điểm
b)	Từ 300 giường đến dưới 400 giường	3 điểm
c)	Từ 200 giường đến dưới 300 giường	2 điểm
d)	Dưới 200 giường	1 điểm

3	**Công suất sử dụng giường bệnh tính theo giường bệnh được cấp có thẩm quyền giao trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị**	**3 điểm**
3.1	Đạt từ 95%	3 điểm
3.2	Đạt từ 80% đến dưới 95%	2 điểm
3.3	Đạt từ 60% đến dưới 80%	1 điểm
3.4	Dưới 60%	0 điểm
4	**Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị**	**2 điểm**
4.1	Từ 20% số người bệnh nội trú trở lên	2 điểm
4.2	Từ 15% đến dưới 20% số người bệnh nội trú	1,5 điểm
4.3	Từ 10% đến dưới 15% số người bệnh nội trú	1 điểm
4.4	Dưới 10% số người bệnh nội trú	0,5 điểm
III	**Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**20 điểm**
1	**Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị**	**3 điểm**
2	**Các trưởng khoa và phó trưởng khoa**	**5 điểm**
2.1	Từ 60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm
2.2	Từ 40% đến dưới 60% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	4 điểm
2.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	3 điểm
2.4	Dưới 20% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	2 điểm
3	**Điều dưỡng trưởng, hộ sinh trưởng, kỹ thuật y trưởng các khoa lâm sàng**	**5 điểm**
3.1	Từ 60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm
3.2	Từ 30% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	4 điểm
3.3	Từ 10% đến dưới 30% có trình độ sau đại học	3 điểm
3.4	Dưới 10% có trình độ sau đại học	2 điểm
4	**Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng**	**7 điểm**
4.1	Từ 50% trở lên có trình độ chuyên khoa I và tương đương	7 điểm
4.2	Từ 40% đến dưới 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	5 điểm
4.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	3 điểm
4.4	Dưới 20% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	1 điểm
IV	**Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**40 điểm**
1	**Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt** (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa)	**10 điểm**
1.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	10 điểm

syt_thuathienhue_vt_Sở Y tế Thừa Thiên Huế 29/05/2024 09:34:10

1.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 70% đến < 95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	8 điểm
1.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 50% đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	7 điểm
1.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	6 điểm
2	**Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I** (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa)	**10 điểm**
2.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	10 điểm
2.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 70% đến < 95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	8 điểm
2.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 50% đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	7 điểm
2.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	6 điểm
3	**Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II** (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I và đặc biệt thay thế)	**10 điểm**
3.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	10 điểm
3.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 70% đến < 95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	8 điểm
3.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 50% đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	7 điểm

syt_thuathienhue_vt:So Y te Thua Thien Hue 23/05/2025 09:34:10

3.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	6 điểm
4	**Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III** (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I, II và đặc biệt thay thế)	**10 điểm**
4.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	10 điểm
4.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 70% đến < 95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	8 điểm
4.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 50% đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	7 điểm
4.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	6 điểm
V	**Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, thiết bị** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**15 điểm**
1	**Cơ sở hạ tầng**	
1.1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	1 điểm
1.2	Có phân vị trí các khu vực chức năng đảm bảo dây chuyền hoạt động của cơ sở: Khu hành chính, các đơn vị chức năng (làm việc về hành chính); Khu kỹ thuật nghiệp vụ (xét nghiệm/kho chuyên dụng …); Khu tiếp đón, dịch vụ (tiếp đón 1 cửa, cấp mẫu xét nghiệm, khám đa khoa, chuyên khoa, …)	0,5 điểm
1.3	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có bảng biển chỉ dẫn rõ ràng thuận tiện cho cá nhân, đơn vị đến liên hệ công tác, sử dụng dịch vụ	0,5 điểm
1.4	Đường giao thông nội bộ bảo đảm thuận tiện cho cấp cứu vận chuyển người bệnh, phòng cháy chữa cháy, phân luồng giao thông rõ ràng mạch lạc	1 điểm
1.5	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X-quang,…) đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành	1 điểm
1.6	Có hệ thống điện đảm bảo các tiêu chuẩn và công suất sử dụng (có hệ thống an toàn điện cho các thiết bị y tế, lộ cấp điện ưu tiên, máy phát điện dự phòng, hệ thống lưu điện)	1 điểm

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue 25/02/2025 10:34:10

1.7	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí toàn bệnh viện đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định	0,5 điểm
1.8	Ứng dụng công nghệ thông tin toàn bệnh viện phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc	1 điểm
2	**Máy móc, thiết bị**	
2.1	Danh mục thiết bị y tế tại đơn vị đầy đủ, đáp ứng theo danh mục kỹ thuật được phê duyệt tại đơn vị	0,5 điểm
2.2	Máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị phù hợp với quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền	1 điểm
2.3	Tiện nghi khoa, buồng bệnh	
a)	Bảo đảm điều kiện và an toàn, tiện nghi tại các khoa buồng bệnh	0,5 điểm
b)	Phòng phẫu thuật và ICU có hệ thống khí sạch đảm bảo tiêu chuẩn theo công năng sử dụng. Phòng hồi sức cấp cứu, phòng đẻ, phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực cấp cứu khẩn cấp	0,5 điểm
2.4	Công tác quản lý về thiết bị y tế	
a)	Bệnh viện có bộ phận và nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý về thiết bị y tế	1 điểm
b)	Có đầy đủ hồ sơ quản lý, theo dõi đối với thiết bị y tế tại đơn vị về: danh mục; sử dụng; kiểm tra; bảo dưỡng; sửa chữa; thay thế vật tư linh kiện; kiểm định, hiệu chuẩn	1 điểm
c)	Có quy chế quản lý, sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo quản thiết bị y tế tại đơn vị	1 điểm
d)	Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về thiết bị y tế	1 điểm
2.5	Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị	
a)	Có kế hoạch hàng năm và bố trí kinh phí về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị	0,5 điểm
b)	Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch đã phê duyệt	1 điểm
2.6	Có nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý, thực hiện công tác chuyên môn kỹ thuật về thiết bị y tế được đào tạo liên tục, tập huấn, tham gia hội nghị, hội thảo lĩnh vực thiết bị y tế hàng năm	0,5 điểm

syt_thuathienhue_vt_S Y te Thua Thien Hue_20/05/2024 09:04:10

PHỤ LỤC 2
TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG CƠ SỞ Y TẾ DỰ PHÒNG

(Ban hành kèm Thông tư số 06 /2024/TT-BYT ngày 16 / 5 /2024 của Bộ Y tế)

I	**Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ**	**10 điểm**
1	**Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật**	**4 điểm**
1.1	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	4 điểm
1.2	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	3 điểm
1.3	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương	2 điểm
2	**Đào tạo**	**3 điểm**
2.1	Tham gia đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục	1 điểm
3	**Nghiên cứu khoa học**	**3 điểm**
3.1	Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên	1 điểm
II	**Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động**	**15 điểm**
1	**Nội dung hoạt động**	**7 điểm**
1.1	Thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ	7 điểm
1.2	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	6 điểm
1.3	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương đã tách bệnh viện, chỉ thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng, dân số	5 điểm
1.4	Thực hiện chức năng, nhiệm vụ y tế dự phòng khác do Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là cơ sở y tế dự phòng thuộc địa phương quản lý	4 điểm
2	**Dân số chịu trách nhiệm quản lý**	**8 điểm**
2.1	Dân số trên 8 triệu người	8 điểm
2.2	Dân số trên 3 triệu đến 8 triệu người	7 điểm
2.3	Dân số từ 2 triệu đến 3 triệu người	6 điểm
2.4	Dân số dưới 2 triệu người	5 điểm

syt_thuathienhue_vi@gov.local 2023-03-10

III	**Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**20 điểm**
1	**Các trưởng khoa, phòng và phó trưởng khoa, phòng chuyên môn**	**8 điểm**
1.1	60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	8 điểm
1.2	Từ 40% đến dưới 60% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	7 điểm
1.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	6 điểm
1.4	Dưới 20% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm
2	**Viên chức ở các khoa, phòng chuyên môn**	**8 điểm**
2.1	Trên 50% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	8 điểm
2.2	Từ 40% đến 50% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	7 điểm
2.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	6 điểm
2.4	Dưới 20% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	5 điểm
3	**Tỷ lệ cán bộ làm chuyên môn/tổng số người làm việc**	**4 điểm**
3.1	Từ 65% trở lên	4 điểm
3.2	Từ 40% đến dưới 65%	3 điểm
3.3	Dưới 40%	2 điểm
IV	**Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**40 điểm**
A	**Phần dành cho các Viện chuyên ngành thuộc lĩnh vực y tế dự phòng**	**40 điểm**
1	**Phòng chống bệnh tật** (chức năng nhiệm vụ quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	**4 điểm**
1.1	Đánh giá/Giám sát/Kiểm soát bệnh truyền nhiễm và bệnh do ký sinh trùng	2 điểm
1.2	Phòng chống bệnh mạn tính không truyền nhiễm	2 điểm
2	**Ứng phó, xử trí các sự kiện y tế công cộng bùng phát** (chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 3796/QĐ-BYT ngày 21/8/2017; Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	**2 điểm**
2.1	Xây dựng kế hoạch hành động đáp ứng khẩn cấp sự kiện y tế công cộng trên phạm vi địa bàn quản lý	1 điểm
2.2	Triển khai các hoạt động đáp ứng khẩn cấp sự kiện y tế công cộng bùng phát trên phạm vi địa bàn quản lý (nếu có)	1 điểm
3	**Sử dụng và cung cấp thông tin phòng, chống dịch bệnh và tác nhân liên quan đến sức khỏe theo lĩnh vực được phân công phụ**	**2 điểm**
4	**Đánh giá/giám sát/kiểm soát tác nhân nguy hại cho sức khỏe bao gồm 05 tiêu chí:**	**5 điểm**
	Đánh giá/giám sát/kiểm soát tác nhân nguy hại gây bệnh nghề nghiệp	

syt_thuathienhue_vi@gdt.gov.vn Thừa Thiên Huế 09:34:10

	Đánh giá/giám sát/kiểm soát tác nhân gây nguy hại môi trường	
	Đánh giá/giám sát/kiểm soát tác nhân gây mất an toàn thực phẩm và phòng, chống các bệnh có nguồn gốc từ thực phẩm	
	Đánh giá/giám sát dinh dưỡng và cải thiện dinh dưỡng	
	Đánh giá/giám sát và phòng chống các bệnh học đường thường gặp	
	(Chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan).	
4.1	Thực hiện được từ 01 tiêu chí trở lên	5 điểm
4.2	Không thực hiện	0 điểm
5	**Truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe** (chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	**4 điểm**
5.1	Tham gia xây dựng nội dung giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe ở lĩnh vực được giao phụ trách	2 điểm
5.2	Triển khai thực hiện hoạt động giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe ở lĩnh vực được giao phụ trách	2 điểm
6	**Chỉ đạo quản lý và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng theo chức năng nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao** (chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	**5 điểm**
6.1	Tham gia xây dựng quy trình, quy định, tiêu chuẩn về chuyên môn kỹ thuật lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng	2 điểm
6.2	Hướng dẫn triển khai thực hiện và hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng theo địa bàn quản lý	2 điểm
6.3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá chuyên môn kỹ thuật lĩnh vực y tế dự phòng, y tế công cộng theo địa bàn quản lý	1 điểm
7	**Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn được cấp thẩm quyền giao (3 năm liên tục) liền kề năm xếp hạng**	**5 điểm**
7.1	Đạt 100% kế hoạch được giao	5 điểm
7.2	Đạt từ 80% đến dưới 100% kế hoạch được giao	3 điểm
7.3	Đạt dưới 80% kế hoạch được giao	1 điểm
8	**Phòng xét nghiệm đủ năng lực và khả năng hỗ trợ công tác kiểm soát dịch bệnh, nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm** (Thông tư 41/2016/TT-BYT; Chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng, Y tế công cộng và các văn bản khác liên quan)	**3 điểm**

8.1	Bảo đảm an toàn sinh học cấp III, IV theo quy định hiện hành	3 điểm
8.2	Bảo đảm an toàn sinh học cấp II theo quy định hiện hành	2 điểm
8.3	Bảo đảm an toàn sinh học cấp I theo quy định hiện hành	1 điểm
9	**Kết quả nghiên cứu khoa học**	**5 điểm**
9.1	Đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đúng thời gian quy định	2 điểm
9.1.1	Từ 70% trở lên	2 điểm
9.1.2	Từ 50% đến dưới 70%	1 điểm
9.1.3	Dưới 50%	0 điểm
9.2	Đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được ứng dụng vào thực tiễn công tác y tế dự phòng	3 điểm
9.2.1	Từ 70% trở lên	3 điểm
9.2.2	Từ 50% đến dưới 70%	2 điểm
9.2.3	Dưới 50%	1 điểm
10	**Năng lực thực hiện dịch vụ về y tế dự phòng và y tế công cộng theo chức năng, nhiệm vụ được giao** Nhóm dịch vụ về kiểm dịch y tế và y tế dự phòng được Bộ Y tế ban hành	**5 điểm**
10.1	Thực hiện được trên 80% danh mục nhóm dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành được giao	5 điểm
10.2	Thực hiện được từ 65% đến 80% danh mục nhóm dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành được giao	3 điểm
10.3	Thực hiện được từ 50% đến 65% danh mục nhóm dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành được giao	2 điểm
10.4	Thực hiện được dưới 50% danh mục nhóm dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ chuyên ngành được giao	1 điểm
B	**Phần dành Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và các trung tâm khác thuộc lĩnh vực y tế dự phòng**	**40 điểm**
1	**Phòng chống bệnh truyền nhiễm**	**5 điểm**
1.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
1.2	Giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh	1 điểm
1.3	Giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét, lập biểu đồ, bản đồ về tình rét của địa phương	0,5 điểm
1.4	Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế	0,5 điểm
1.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm

syt_thuathienhue_vn Sở Y tế Thừa Thiên Huế 15/12/2022 09:54:10

1.6	Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp	0,5 điểm
1.7	Hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định	0,5 điểm
1.8	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh theo quy định	0,5 điểm
2	**Phòng chống HIV/AIDS**	**4 điểm**
2.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
2.2	Dự phòng lây nhiễm HIV	0,7 điểm
2.3	Tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,7 điểm
2.4	Giám sát, theo dõi, đánh giá và xét nghiệm HIV	0,6 điểm
2.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống HIV/AIDS cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
2.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống HIV/AIDS theo quy định	0,5 điểm
3	**Kiểm soát bệnh không lây nhiễm**	**3 điểm**
3.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
3.2	Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	0,5 điểm
3.3	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,5 điểm
3.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh không lây nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
3.5	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm theo quy định	0,5 điểm
4	**Dinh dưỡng**	**3 điểm**
4.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động dinh dưỡng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
4.2	Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,5 điểm
4.3	Giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn	0,5 điểm
4.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về dinh dưỡng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm

4.5	Thống kê, báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định	0,5 điểm
5	**Sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp**	**5 điểm**
5.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
5.2	Ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch của tất cả các đơn vị cấp nước có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên (hoặc công suất thiết kế từ 1.000m3/ngày đêm trở lên trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình)	0,3 điểm
5.3	Hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của các đơn vị cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình (hoặc công suất thiết kế dưới 1.000m3/ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình); hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá nhà tiêu hợp vệ sinh	0,5 điểm
5.4	Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,3 điểm
5.5	Thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa	0,3 điểm
5.6	Giám sát môi trường, điều kiện vệ sinh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn	0,3 điểm
5.7	Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục	0,3 điểm
5.8	Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn	0,3 điểm
5.9	Thực hiện việc quan trắc định kỳ môi trường lao động, điều kiện lao động tại các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động theo quy định; đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động	0,3 điểm
5.10	Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (khi có yêu cầu của các cơ quan liên quan	0,3 điểm
5.11	Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động	0,3 điểm

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue 23/05/2025 09:43:10

syt_thuathienhue_vi

5.12	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,3 điểm
5.13	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp theo quy định	0,5 điểm
6	**Sức khỏe sinh sản**	**4 điểm**
6.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe sinh sản trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
6.2	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,4 điểm
6.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,4 điểm
6.4	Phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,3 điểm
6.5	Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn theo quy định	0,2 điểm
6.6	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,2 điểm
6.7	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,5 điểm
6.8	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe sinh sản cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
6.9	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe sinh sản theo quy định	0,5 điểm
7	**Truyền thông, giáo dục sức khỏe**	**3 điểm**
7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	1 điểm
7.2	Thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,3 điểm
7.3	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông tuyến dưới theo phân cấp	0,3 điểm
7.4	Cung cấp thông tin, xây dựng các thông điệp truyền thông và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và nâng cao sức khoẻ nhân dân	0,2 điểm
7.5	Xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị, các tuyến, người dân, cộng đồng	0,2 điểm
7.6	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về truyền thông giáo dục sức khỏe cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,5 điểm
7.7	Thống kê, báo cáo về hoạt động truyền thông, giáo dục sức khoẻ theo quy định	0,5 điểm
8	**Ký sinh trùng - Côn trùng**	**2 điểm**
8.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
8.2	Thực hiện các hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,3 điểm

8.3	Quản lý, điều tra, giám sát ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được giao theo chức năng, nhiệm vụ	0,2 điểm
8.4	Giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh	0,2 điểm
8.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,3 điểm
8.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo quy định	0,5 điểm
9	**Kiểm dịch y tế**	**2 điểm**
9.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm dịch y tế trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
9.2	Kiểm tra y tế, giám sát thường xuyên các bệnh truyền nhiễm và các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật tại khu vực các cửa khẩu	0,3 điểm
9.3	Cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm dịch y tế theo quy định; cấp giấy chứng nhận tiêm chủng (nếu được Sở Y tế giao nhiệm vụ)	0,2 điểm
9.4	Cung cấp thông tin về các đối tượng kiểm dịch y tế cho các đơn vị liên quan để quản lý và giám sát dịch bệnh	0,2 điểm
9.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm dịch y tế theo quy định	0,3 điểm
9.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm dịch y tế theo quy định	0,5 điểm
10	**Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn được cấp thẩm quyền giao (3 năm liên tục) liền kề năm xếp hạng**	**3 điểm**
10.1	3 năm đạt trên 95% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	3 điểm
10.2	2 năm đạt trên 95% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	2 điểm
10.3	1 năm đạt trên 95% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	1 điểm
10.4	Không năm nào đạt trên 95% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	0 điểm
11	**Phòng xét nghiệm đủ năng lực và khả năng hỗ trợ công tác kiểm soát dịch bệnh, nghiên cứu sức khỏe cộng đồng: vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm** (Thông tư 41/2016/TT-BYT; Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 và các văn bản khác liên quan)	**4 điểm**
11.1	Bảo đảm an toàn sinh học cấp III, IV theo quy định hiện hành	4 điểm
11.2	Bảo đảm an toàn sinh học cấp II theo quy định hiện hành	3 điểm
11.3	Bảo đảm an toàn sinh học cấp I theo quy định hiện hành	2 điểm
12	**Phòng xét nghiệm lý hóa đạt tiêu chuẩn và đủ năng lực xét nghiệm kiểm tra nước ăn uống sinh hoạt, an toàn thực phẩm theo chức năng nhiệm vụ được giao** (Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 và các văn bản khác liên quan)	**2 điểm**
12.1	Thực hiện được từ 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao	2 điểm

syt_thuathienhue_vt_Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế_22/08/2025 09:34:10

12.2	Thực hiện được dưới 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao	1 điểm
V	**Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, thiết bị (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)**	**15 điểm**
1	**Cơ sở hạ tầng**	
1.1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	1 điểm
1.2	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có bảng biển chỉ dẫn rõ ràng thuận tiện cho cá nhân, đơn vị đến liên hệ công tác, sử dụng dịch vụ	0,5 điểm
1.3	Các phòng xét nghiệm tự công bố an toàn sinh học theo quy định (Hồ sơ công bố phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học theo quy định bao gồm: cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự và thực hành)	1 điểm
1.4	Phòng xét nghiệm lý - hóa học bảo đảm an toàn lý hóa học theo quy định: các phương tiện bảo hộ lao động sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay,…), các thiết bị giật nước khẩn cấp, rửa mắt, dung dịch kiềm loãng có sẵn ở các vị trí thuận tiện; có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý hóa hoặc quy định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lỏng (nếu chưa có hệ thống xử lý); số tủ hút tương ứng với các phòng xét nghiệm lý hóa	1 điểm
1.5	Phòng xét nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025 đối với một số xét nghiệm bắt buộc về kiểm tra chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt, thực phẩm	1 điểm
1.6	Có hệ thống điện ưu tiên, đảm bảo an toàn, có hệ thống điện dự phòng	0,5 điểm
1.7	Ứng dụng công nghệ thông tin toàn đơn vị phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc	1 điểm
1.8	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định	1 điểm
2	**Máy móc, thiết bị**	
2.1	Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đầy đủ, đáp ứng theo nhiệm vụ chuyên môn được phê duyệt tại đơn vị	1 điểm
2.2	Máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị phù hợp với Quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền	1 điểm
2.3	Công tác quản lý về máy móc, thiết bị chuyên dụng	
a)	Đơn vị có bộ phận và nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý về máy móc, thiết bị chuyên dụng	1 điểm
b)	Có đầy đủ hồ sơ quản lý, theo dõi đối với máy móc, thiết bị chuyên dụng tại đơn vị về: danh mục; sử dụng; kiểm tra; bảo dưỡng; sửa chữa; thay thế vật tư linh kiện; kiểm định, hiệu chuẩn	1 điểm

2.4	Có quy chế quản lý, sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo quản máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị	1 điểm
2.5	Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về máy móc, thiết bị chuyên dụng	1 điểm
2.6	Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị	
a)	Có kế hoạch hàng năm và bố trí kinh phí về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị	1 điểm
b)	Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch đã phê duyệt	1 điểm

syt_thuathienhue_vt_Sở Y tế Thừa Thiên Huế_ký 20[illegible]

syt_thuathienhue_vt_20_[illegible] Thừa Thiên Huế 16/05/2024 09:34:10

PHỤ LỤC 3
TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ban hành kèm Thông tư số 06 /2024/TT-BYT ngày 16 / 5 /2024 của Bộ Y tế)

I	**Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ**	**10 điểm**
1	**Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật**	**4 điểm**
1.1	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	4 điểm
1.2	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	3 điểm
1.3	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương	2 điểm
2	**Đào tạo**	**3 điểm**
2.1	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục	1 điểm
3	**Nghiên cứu khoa học**	**3 điểm**
3.1	Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên	1 điểm
II	**Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động**	**15 điểm**
1	**Nội dung hoạt động**	**3 điểm**
1.1	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	1 điểm
1.2	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	1 điểm
1.3	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,5 điểm
1.4	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,5 điểm
2	**Dân số chịu trách nhiệm quản lý**	**4 điểm**
2.1	Dân số trên 350 nghìn người	4 điểm
2.2	Dân số từ trên 250 nghìn đến 350 nghìn người	3 điểm
2.3	Dân số từ trên 150 nghìn đến 250 nghìn người	2 điểm
2.4	Dân số từ 150 nghìn người trở xuống	1 điểm

syt_thuathienhue_vt So Y te Thua Thien Hue 27/03/2024 09:34:10

3	**Điểm đánh giá chất lượng đơn vị trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị**	**4 điểm**
3.1	Đạt từ 4,0 điểm trở lên	4 điểm
3.2	Đạt từ 3,2 điểm đến dưới 4,0	3 điểm
3.3	Đạt từ 2,5 đến dưới 3,2 điểm	2 điểm
3.4	Dưới 2,5 điểm	1 điểm
4	**Công suất sử dụng giường bệnh tính theo giường bệnh được cấp có thẩm quyền giao trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị**	**2 điểm**
4.1	Đạt từ 95%	2 điểm
4.2	Đạt từ 80% đến dưới 95%	1 điểm
4.3	Đạt từ 60% đến dưới 80%	0,5 điểm
4.4	Dưới 60%	0 điểm
5	**Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một trung bình 2 năm liền kề năm đánh giá xếp hạng đơn vị**	**2 điểm**
5.1	Từ 20% số người bệnh nội trú trở lên	2 điểm
5.2	Từ 15% đến dưới 20% số người bệnh nội trú	1,5 điểm
5.3	Từ 10% đến dưới 15% số người bệnh nội trú	1 điểm
5.4	Dưới 10% số người bệnh nội trú	0,5 điểm
III	**Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**20 điểm**
1	**Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị**	**3 điểm**
2	**Các trưởng khoa, phó trưởng khoa, phòng chuyên môn**	**5 điểm**
2.1	Từ 50% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm
2.2	Từ 40% đến dưới 50% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	4 điểm
2.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	3 điểm
2.4	Dưới 20% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	2 điểm
3	**Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y trưởng các khoa lâm sàng**	**5 điểm**
3.1	Từ 60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm
3.2	Từ 40% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	4 điểm
3.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ sau đại học	3 điểm
3.4	Dưới 20% có trình độ sau đại học	2 điểm
5	**Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng, viên chức ở các khoa, phòng chuyên môn**	**7 điểm**
5.1	Từ 50% trở lên có trình độ chuyên khoa I và tương đương	7 điểm
5.2	Từ 40% đến dưới 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	5 điểm
5.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	3 điểm
5.4	Dưới 20% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	1 điểm

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue_20/09/2024 09:34:10

IV	**Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**40 điểm**
1	**Các kỹ thuật chuyên khoa mà trung tâm được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt** (trừ danh mục trung tâm không có chuyên khoa)	**5 điểm**
1.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	5 điểm
1.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 70 đến < 95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	4 điểm
1.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 50% đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	3 điểm
1.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	2 điểm
2	**Các kỹ thuật chuyên khoa mà trung tâm được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I** (trừ danh mục trung tâm không có chuyên khoa)	**5 điểm**
2.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	5 điểm
2.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 70 đến <95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	4 điểm
2.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 50% đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	3 điểm
2.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	2 điểm
3	**Các kỹ thuật chuyên khoa mà trung tâm được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II** (trừ danh mục trung tâm không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I và đặc biệt thay thế)	**5 điểm**
3.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	5 điểm

syt_thuathienhue_vt_So Yte Thua Thien Hue 20/09/2024 09:34:10

3.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 70 đến <95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	4 điểm
3.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 50% đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	3 điểm
3.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	2 điểm
4	**Các kỹ thuật chuyên khoa mà trung tâm được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III** (trừ danh mục trung tâm không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I, II và đặc biệt thay thế)	**5 điểm**
4.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt từ 95% trở lên trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	5 điểm
4.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 70 đến <95% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	4 điểm
4.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 50% đến < 70% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	3 điểm
4.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt < 50% trên tổng số danh mục kỹ thuật của Bộ Y tế quy định cho chuyên khoa đó	2 điểm
5	**Phòng chống bệnh truyền nhiễm**	**2,5 điểm**
5.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
2.2	Giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh	0,5 điểm
5.3	Giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét của địa phương	0,25 điểm
5.4	Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế	0,25 điểm
5.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
5.6	Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp	0,25 điểm

syt_thuathienhue_vi_Sở Y tế Thừa Thiên Huế 21/05/2024 09:34:10

5.7	Hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định	0,25 điểm
5.8	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh theo quy định	0,25 điểm
6	**Phòng chống HIV/AIDS**	**2 điểm**
6.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
6.2	Dự phòng lây nhiễm HIV	0,35 điểm
6.3	Tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,35 điểm
6.4	Giám sát, theo dõi, đánh giá và xét nghiệm HIV	0,3 điểm
6.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống HIV/AIDS cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
6.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống HIV/AIDS theo quy định	0,25 điểm
7	**Kiểm soát bệnh không lây nhiễm**	**1,5 điểm**
7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
7.2	Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	0,25 điểm
7.3	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,25 điểm
7.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh không lây nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
7.5	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm theo quy định	0,25 điểm
8	**Dinh dưỡng**	**1,5 điểm**
8.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động dinh dưỡng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
8.2	Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,25 điểm
8.3	Giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn	0,25 điểm
8.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về dinh dưỡng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
8.5	Thống kê, báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định	0,25 điểm

syt_thuathienhue_vt_Sở Y tế Thừa Thiên Huế 20-03-2024 09:34:10

9	**Sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp**	**2,5 điểm**
9.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
9.2	Phối hợp tham gia ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch của tất cả các đơn vị cấp nước có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên (hoặc công suất thiết kế từ 1.000m3/ngày đêm trở lên trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình)	0,15 điểm
9.3	Hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của các đơn vị cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình (hoặc công suất thiết kế dưới 1.000m3/ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình); hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá nhà tiêu hợp vệ sinh	0,25 điểm
9.4	Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
9.5	Thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa	0,15 điểm
9.6	Giám sát môi trường, điều kiện vệ sinh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn	0,15 điểm
9.7	Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục	0,15 điểm
9.8	Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn	0,15 điểm
9.9	Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (khi có yêu cầu của các cơ quan liên quan	0,15 điểm
9.10	Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động	0,15 điểm
9.11	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,15 điểm
9.12	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp theo quy định	0,4 điểm

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue 20-09-2024 09:34:10

10	**Sức khỏe sinh sản và dân số**	**2 điểm**
10.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe sinh sản trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
10.2	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,2 điểm
10.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,2 điểm
10.4	Phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
10.5	Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn theo quy định	0,1 điểm
10.6	Triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, tầm soát, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;	0,2 điểm
10.7	Tổ chức thực hiện và phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện các hoạt động về công tác dân số nhằm điều chỉnh mức sinh, kiểm soát quy mô dân số, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số trên địa bàn theo quy định của pháp luật.	0,2 điểm
10.8	Tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số và các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương.	0,2 điểm
10.9	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe sinh sản theo quy định	0,25 điểm
11	**Truyền thông, giáo dục sức khỏe**	**1,5 điểm**
11.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
11.2	Thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
11.3	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông tuyến dưới theo phân cấp	0,15 điểm
11.4	Cung cấp thông tin, xây dựng các thông điệp truyền thông và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân	0,1 điểm
11.5	Xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị, các tuyến, người dân, cộng đồng	0,1 điểm
11.6	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về truyền thông giáo dục sức khỏe cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
11.7	Thống kê, báo cáo về hoạt động truyền thông, giáo dục sức khoẻ theo quy định	0,25 điểm

syt_thuathienhue_VT_Sở Y tế Thừa Thiên Huế 20/05/2024 09:34:10

12	**Ký sinh trùng - Côn trùng**	**1 điểm**
12.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,25 điểm
12.2	Thực hiện các hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
12.3	Quản lý, điều tra, giám sát ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được giao theo chức năng, nhiệm vụ	0,1 điểm
12.4	Giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh	0,1 điểm
12.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,15 điểm
12.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo quy định	0,25 điểm
13	**Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn được cấp thẩm quyền giao (3 năm liên tục) liền kề năm xếp hạng:**	**2,5 điểm**
13.1	3 năm đạt trên 95% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	2,5 điểm
13.2	2 năm đạt trên 95% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	1,5 điểm
13.3	1 năm đạt trên 95% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	1 điểm
13.4	Không năm nào đạt trên 95% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	0 điểm
14	**Phòng xét nghiệm đủ năng lực và khả năng hỗ trợ công tác kiểm soát dịch bệnh, nghiên cứu sức khỏe cộng đồng: vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm**	**2 điểm**
14.1	Bảo đảm an toàn sinh học cấp II theo quy định hiện hành	2 điểm
14.2	Bảo đảm an toàn sinh học cấp I theo quy định hiện hành	1 điểm
14.3	Không bảo đảm an toàn sinh học cấp I	0 điểm
15	**Phòng xét nghiệm lý hóa đạt tiêu chuẩn và đủ năng lực xét nghiệm kiểm tra nước ăn uống sinh hoạt, an toàn thực phẩm theo chức năng nhiệm vụ được giao**	**1 điểm**
15.1	Thực hiện được trên 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao	1 điểm
15.2	Thực hiện được từ 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao trở xuống	0,5 điểm
V	**Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, thiết bị** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**15 điểm**
1	**Cơ sở hạ tầng**	
1.1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	1 điểm
1.2	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có bảng biển chỉ dẫn rõ ràng thuận tiện cho cá nhân, đơn vị đến công tác, sử dụng dịch vụ	0,5 điểm

syt_thuathienhue_YT_SYT Y te ThuaThien Hue 21-05-2024 09:34:10

1.3	Đường giao thông nội bộ bảo đảm thuận tiện cho cấp cứu vận chuyển người bệnh, phòng cháy chữa cháy, phân luồng giao thông rõ ràng mạch lạc. Có phân vị trí các khu vực chức năng đảm bảo dây chuyền hoạt động của cơ sở	1 điểm
1.4	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X-quang,…) đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành	1 điểm
1.5	Có hệ thống điện đảm bảo các tiêu chuẩn và công suất sử dụng (có hệ thống an toàn điện cho các thiết bị y tế, lộ cấp điện ưu tiên, máy phát điện dự phòng, hệ thống lưu điện)	1 điểm
1.6	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định	0,5 điểm
1.7	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc	1 điểm
2	**Máy móc, thiết bị**	
2.1	Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đầy đủ, đáp ứng theo nhiệm vụ chuyên môn được phê duyệt tại đơn vị	1 điểm
2.2	Máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị phù hợp với quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền	1 điểm
2.3	Tiện nghi khoa, buồng bệnh	
a)	Bảo đảm điều kiện và an toàn, tiện nghi tại các khoa buồng bệnh	0,5 điểm
b)	Phòng phẫu thuật và ICU có hệ thống khí sạch đảm bảo tiêu chuẩn theo công năng sử dụng. Phòng hồi sức cấp cứu, phòng đẻ, phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực cấp cứu khẩn cấp	0,5 điểm
2.4	Công tác quản lý về máy móc, thiết bị chuyên dùng	
a)	Đơn vị có bộ phận và nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý về máy móc, thiết bị chuyên dùng	1 điểm
b)	Có đầy đủ hồ sơ quản lý, theo dõi đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị về: danh mục; sử dụng; kiểm tra; bảo dưỡng; sửa chữa; thay thế vật tư linh kiện; kiểm định, hiệu chuẩn	1 điểm
c)	Có quy chế quản lý, sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo quản máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị	1 điểm
d)	Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về thiết bị y tế	1 điểm
2.5	Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị	
a)	Có kế hoạch hàng năm và bố trí kinh phí về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị	1 điểm

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue 23-05-2024 09:34:10

b)	Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch đã phê duyệt	1 điểm

syt_thuathienhue_vi_So Y te Thua Thien Hue_20/05/2024 10:34:10

PHỤ LỤC 4
TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG
VIỆN; TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH,
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM
TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

(Ban hành kèm Thông tư số 06 /2024/TT-BYT ngày 16 / 5 /2024 của Bộ Y tế)

I	**Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ**	**10 điểm**
1	**Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật**	**4 điểm**
1.1	Phạm vi quốc gia	4 điểm
1.2	Phạm vi khu vực (vùng, miền)	3 điểm
1.3	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2 điểm
2	**Đào tạo**	**3 điểm**
2.1	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục	1 điểm
3	**Nghiên cứu khoa học**	**3 điểm**
3.1	Tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu và xếp loại đạt trở lên	1 điểm
II	**Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động**	**15 điểm**
1	**Đối tượng kiểm nghiệm/kiểm định**	**7 điểm**
1.1	Thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thử tương đương sinh học hoặc vắc xin, sinh phẩm y tế hoặc an toàn thực phẩm hoặc thiết bị y tế trong phạm vi toàn quốc	7 điểm
1.2	Thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thử tương đương sinh học hoặc vắc xin, sinh phẩm y tế hoặc an toàn thực phẩm hoặc thiết bị y tế trong phạm vi tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	5 điểm
2	**Loại mẫu**	**4 điểm**
2.1	Mẫu lấy phục vụ công tác kiểm tra, giám sát thị trường	2 điểm
2.2	Mẫu dịch vụ hoặc phục vụ cho các đề tài nghiên cứu khoa học	2 điểm
3	**Tổng số lượng mẫu thực hiện tính trung bình trong 5 năm gần nhất**	**4 điểm**
3.1	Từ 1500 mẫu trở lên	4 điểm
3.2	Từ 800 mẫu đến dưới 1500 mẫu	3 điểm
3.3	Từ 500 mẫu đến dưới 800 mẫu	2 điểm
3.4	Dưới 500 mẫu	1 điểm

III	**Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**20 điểm**
1	**Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế và liên quan chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị**	**4 điểm**
2	**Các trưởng khoa, phòng và phó trưởng khoa, phòng chuyên môn**	**8 điểm**
2.1	60% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	8 điểm
2.2	Từ 40% đến dưới 60% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	7 điểm
2.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	6 điểm
2.4	Dưới 20% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm
3	**Viên chức ở các khoa, phòng chuyên môn**	**8 điểm**
3.1	Trên 50% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	8 điểm
3.2	Từ 30% đến 50% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	7 điểm
3.3	Từ 10% đến dưới 30% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	6 điểm
3.4	Dưới 10% có trình độ thạc sĩ và tương đương trở lên	5 điểm
IV	**Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**40 điểm**
1	**Các chứng chỉ được công nhận**	**14 điểm**
1.1	Chứng chỉ cấp quốc tế về thử nghiệm	3 điểm
a)	Chứng chỉ đạt GLP hoặc tương đương do WHO hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền thuộc các nước SRA cấp/chứng nhận hoặc là đơn vị đại diện quốc gia trong Ủy ban Phòng thí nghiệm chuẩn khu vực/thế giới về thử nghiệm an toàn thực phẩm cấp/chứng nhận	2 điểm
b)	Chứng chỉ đạt ISO/IEC 17025 do đơn vị được công nhận, thừa nhận bởi tổ chức công nhận quốc tế cấp	1 điểm
1.2	Chứng chỉ cấp quốc gia về thử nghiệm	10 điểm
a)	Chứng chỉ đạt GLP hoặc được công nhận là cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng do cơ quan quản lý có thẩm quyền cấp quyết định	6 điểm
b)	Chứng chỉ đạt ISO/IEC 17025	4 điểm
1.3	Chứng chỉ khác liên quan	1 điểm
2	**Phạm vi hiệu chuẩn**	**6 điểm**
2.1	Chứng chỉ công nhận về hiệu chuẩn thiết bị phân tích	6 điểm
2.2	Có khả năng tự hiệu chuẩn: Tính 0,4 điểm cho mỗi loại thiết bị, tối đa 4 điểm (áp dụng cho trường hợp không có chứng chỉ công nhận hiệu chuẩn, có khả năng tự hiệu chuẩn)	4 điểm

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue 27/03/2024 09:34:10

3	**Thiết lập chuẩn đối chiếu**	**7 điểm**
3.1	Chuẩn đối chiếu cấp quốc tế, khu vực hoặc được công nhận phù hợp theo ISO17034	7 điểm
3.2	Chuẩn đối chiếu cấp quốc gia	6 điểm
3.3	Chuẩn đối chiếu cấp phòng thí nghiệm (tự thiết lập và sử dụng nội bộ)	5 điểm
4	**Tổ chức các chương trình** (Do đơn vị chủ trì thực hiện trong thời gian 05 năm gần nhất kể từ ngày nộp Hồ sơ xếp hạng đơn vị)	**7 điểm**
4.1	Tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo	3 điểm
4.2	Tổ chức các chương trình đào tạo về chuyên môn, kỹ thuật, quản lý chuyên ngành	2 điểm
4.3	Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên ngành	2 điểm
	- Quy mô quốc tế	2 điểm
	- Quy mô toàn quốc, khu vực	1 điểm
	- Quy mô tỉnh, thành phố	0,5 điểm
5	**Năng lực chuyên môn**	**6 điểm**
5.1	Xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN), Dược điển Việt Nam	2 điểm
5.2	Thực hiện và triển khai áp dụng đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại đơn vị; xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật	2 điểm
5.3	Xây dựng, phát triển, thẩm định phương pháp phân tích và áp dụng nội bộ	2 điểm
V	**Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, thiết bị** (số liệu tính tại thời điểm đề nghị xếp hạng)	**15 điểm**
1	**Cơ sở hạ tầng**	
1.1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	1 điểm
1.2	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp, có bảng biển chỉ dẫn rõ ràng thuận tiện cho cá nhân, đơn vị đến liên hệ công tác, sử dụng dịch vụ	0,5 điểm
1.3	Các phòng xét nghiệm tự công bố an toàn sinh học theo quy định (Hồ sơ công bố phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học theo quy định bao gồm: cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự và thực hành)	1 điểm
1.4	Phòng xét nghiệm lý - hóa học bảo đảm an toàn lý hóa học theo quy định: các phương tiện bảo hộ lao động sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay,…), các thiết bị giật nước khẩn cấp, rửa mắt, dung dịch kiềm loãng có sẵn ở các vị trí thuận tiện; có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý hóa hoặc quy định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lỏng (nếu chưa có hệ thống xử lý); số tủ hút tương ứng với các phòng xét nghiệm lý hóa	1 điểm

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue 29-05-2024 09:34:10

1.5	Phòng xét nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025 đối với một số xét nghiệm bắt buộc về kiểm tra chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt, thực phẩm	1 điểm
1.6	Có hệ thống điện dự phòng	0,5 điểm
1.7	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc	1 điểm
1.8	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định	1 điểm
2	**Máy móc, thiết bị**	
2.1	Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng đầy đủ, đáp ứng theo nhiệm vụ chuyên môn được phê duyệt tại đơn vị	1 điểm
2.2	Máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị phù hợp với quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền	1 điểm
2.3	Công tác quản lý về máy móc, thiết bị chuyên dụng	
a)	Đơn vị có bộ phận và nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản lý về máy móc, thiết bị chuyên dụng	1 điểm
b)	Có đầy đủ hồ sơ quản lý, theo dõi đối với máy móc, thiết bị chuyên dụng tại đơn vị về: danh mục; sử dụng; kiểm tra; bảo dưỡng; sửa chữa; thay thế vật tư linh kiện; kiểm định, hiệu chuẩn	1 điểm
2.4	Có quy chế quản lý, sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, bảo quản máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị	1 điểm
2.5	Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng năm về máy móc, thiết bị chuyên dụng	1 điểm
2.6	Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị	
a)	Có kế hoạch hàng năm và bố trí kinh phí về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị	1 điểm
b)	Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định máy móc, thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch đã phê duyệt	1 điểm

syt_thuathienhue_vt_SỞ Y TẾ Thừa Thiên Huế 21/05/2024 09:34:10

PHỤ LỤC 5
TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH HẠNG ĐẶC BIỆT
(Ban hành kèm Thông tư số 06 /2024/TT-BYT ngày 16 / 5 /2024 của Bộ Y tế)

I. Nguyên tắc chung

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được xếp hạng I đạt 100 điểm và đạt các tiêu chuẩn dưới đây được xếp hạng đặc biệt.

2. Không cho điểm khi đánh giá các tiêu chuẩn ở phần này. Mỗi tiêu chuẩn được đánh giá là "đạt" nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trong mỗi tiêu chuẩn cụ thể.

II. Các tiêu chuẩn cụ thể

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
1	**Vai trò và chức năng, nhiệm vụ**	
1.1	Là tuyến cuối cùng trong bậc thang điều trị; tiếp nhận và điều trị cho người bệnh (ít nhất 5 chuyên khoa sâu đối với bệnh viện đa khoa) trong phạm vi nhiều vùng hoặc toàn quốc	Đạt
1.2	Là cơ sở thực hành, đào tạo cán bộ sau đại học; cán bộ của bệnh viện trực tiếp tham gia đào tạo sau đại học và đào tạo cán bộ chuyên khoa sâu có trình độ sau đại học cho khu vực hoặc toàn quốc	Đạt
2	Quy mô và tổ chức khoa, phòng	
2.1	Tổ chức khoa, phòng trong bệnh viện theo chuyên khoa và chuyên khoa sâu đáp ứng chức năng, nhiệm vụ được giao. Các khoa lâm sàng tổ chức theo chuyên khoa và chuyên khoa sâu. Có các labo theo chuyên khoa sâu trong khu vực cận lâm sàng	Đạt
2.2	Thực hiện chăm sóc cấp I, II cho 100% người bệnh thuộc đối tượng chăm sóc cấp I và cấp II	Đạt
3	Trình độ cán bộ chuyên môn và quản lý	
3.1	100% Trưởng các khoa lâm sàng, cận lâm sàng có trình độ Tiến sĩ hoặc Chuyên khoa II	Đạt
3.2	70% bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng có trình độ sau đại học	Đạt
4	Khả năng chuyên môn kỹ thuật	
4.1	Có các chuyên gia đầu ngành tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn y tế cấp Bộ	Đạt

TT	TIÊU CHUẨN	ĐÁNH GIÁ
4.2	Có các chuyên gia đầu ngành tham gia các Hội đồng chuyên môn y tế cấp Bộ xây dựng hướng dẫn chẩn đoán, điều trị; quy trình chuyên môn kỹ thuật; Hội đồng chuyên môn xem xét các tai biến y khoa; Hội đồng chuyên môn thẩm định danh mục kỹ thuật	Đạt
4.3	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật hiện đại, chuyên sâu các chuyên khoa xét nghiệm huyết học, sinh hóa, vi sinh vật, miễn dịch, sinh học phân tử, phóng xạ, giải phẫu bệnh,… *(các xét nghiệm chẩn đoán ung thư, xác định kháng nguyên, kháng thể, định danh vi khuẩn, virus, cấu trúc nhiễm sắc thể, cấu trúc gen, xét nghiệm sinh học phân tử, đông máu,...)* Xem xét các kỹ thuật thực hiện được phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tính chất chuyên khoa của bệnh viện.	Đạt
4.5	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các thăm dò chức năng, chẩn đoán hình ảnh hiện đại, phức tạp chuyên sâu (CT scan, MRI, chụp mạch máu DSA, C-arm, PET CT,…). Xem xét danh mục trang thiết bị và các kỹ thuật thực hiện được phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tính chất chuyên khoa của bệnh viện.	Đạt
4.6	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật y học hiện đại, phức tạp, chuyên khoa sâu như: ghép mô, tạng, bộ phận cơ thể người, sử dụng robot trong phẫu thuật, vi phẫu thuật, chẩn đoán trước sinh, IVF, mổ tim hở, can thiệp mạch, thông tim, thăm dò phóng xạ, xạ trị, các phẫu thuật sọ não, thần kinh, mạch máu, phẫu thuật tạo hình sử dụng vật liệu nhân tạo thay thế,…	Đạt
4.7	Bảo đảm nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện được các kỹ thuật phục hồi chức năng toàn diện theo mô hình bệnh tật, phục hồi chức năng sớm cho người bệnh.	Đạt

syt_thuathienhue_vt_So Y te Thua Thien Hue 21/03/2025 09:34:10